TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 57/2018/DS-ST
Ngày: 31/10 /2018
V/v: tranh chấp đòi lại tài sản.

CỘNG HOÀ XÃHỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trần Văn Hưng
2.Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Phấn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2018/QĐXXST -DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 09/10/2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tám L , sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Phước Trinh A, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: số 33/6, Mậu Th, phường 3, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2.Bị đơn: chị Nguyễn Thị Gái Đ, sinh năm 1978(vắng mặt)

Địa chỉ : số 78A/5, ấp Phước Ngươn B, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

3.Người làm chứng:

3.1.Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1944 (xin vắng mặt)

3.2.Bà Phạm Thị B, sinh năm 1943 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phước Trinh A, xã Long Ph, huyện Long H,Vĩnh L.

3.3.Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 78/5, ấp Phước Ngươn B, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

3.4.Anh Nguyễn Thanh Tín, sinh năm 1978(vắng mặt)

Địa chỉ : số 78A/5, ấp Phước Ngươn B, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

3.5.Ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1944(xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Ngươn B, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

3.6.Ông Nguyễn Văn Tý, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Trinh A, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quyết Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017 chị Nguyễn Thị Tám L làm ăn tại khu 3, thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng có nguồn thu nhập ổn định, để đảm bảo cuộc sống sau này khi trở về quê sinh sống, hàng tháng chị Lùng có gửi tiền về cho chị ruột là Nguyễn Thị Gái Đ để nhờ mua đất và mua sắm một số tài sản dùm chị, cụ thể như mua đất của ông Huỳnh Văn H, mua đất của ông Nhàn, mua xe mô tô hiệu Arblade trị giá 50.000.000đ, chăn nuôi bò....tổng cộng số tiền chị L đã gửi cho chị Đ là 475.000.000đ, trong đó có gửi từ bưu điện Đồ Sơn và bưu điện thành phố Hải Phòng.

Đầu năm 2018 chị L trở về quê và gặp chị Đ bàn bạc yêu cầu chị Đ sang tên đất và giao trả lại cho chị một số tài sản như đã nêu trên, nhưng chị Đ cố tình không trả và cho rằng chị L không trực tiếp thực hiện các giao dịch mua tài sản không có quyền đòi lại tài sản, nên không đồng ý giao trả lại cho chị L. Do chị L không có chứng cứ để đòi lại tài sản, nhưng chị L có tài liệu, chứng cứ chứng minh các lần gửi tiền về cho chị Đ qua đường bưu điện từ Đồ Sơn về Vĩnh L tính từ ngày 22/5/2017 đến ngày 26/10/2017 là 285.000.000đ. Vì vậy chị L khởi kiện yêu cầu chị Đ phải hoàn trả lại số tiền 285.000.000đ(hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Số tiền còn lại khoảng 190.000.000đ chuyển từ bưu điện thành phố Hải Phòng về cho chị Đ thì chị L rút lại yêu cầu.

-Tại các phiên hòa giải của Tòa án chị Nguyễn Thị Gái Đ trình bày:

Vào khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2017, chị L là em ruột của chị có gửi tiền về chị nhận tổng cộng là 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng), mục đích chị L gửi tiền về chi xài như sau :

- Cho cha Nguyễn văn Đ và mẹ Phạm Thị B chi xài số tiền 1.500.000đ/tháng, tổng cộng 18 tháng là 27.000.000đ, mua chiếc vòng cẩm thạch đeo tay cho mẹ 2.000.000đ, tiền sửa nhà cho cha mẹ 9.500.000đ;

-Cho cháu Phạm Thị D con chị L số tiền 5.000.000đ để trị bệnh viêm gan, mua điện thoại số tiền 3.000.000đ, một chiếc nhẫn vàng 18K giá 1.500.000đ;

-Tiền công chị nấu cơm cho ông Lưu Văn Ch là chồng chị Lùng 3.000.000đ/tháng, thời gian 42 tháng, tính từ tháng 9/2014 đến 3/2018 là 126.000.000đ;

-Tiền ăn của ông Ch 50.000đ/ngày thời gian 42 tháng bằng 63.000.000đ;

-Tiền san lắp mặt bằng để làm chuồng nuôi bò 21.000.000đ;

-Tiền mua 01con bò cái 16.000.000đ vào tháng 7/2017; Đến tháng 3/2018 chị Lùng về bán 08 con bò số tiền 114.500.000đ (trước đây có 02 con bò cái của ông Chung, mua thêm một con như trình bày ở trên và quá trình nuôi 03 con bò cái sinh sản thêm 05 con bò con, tổng cộng 08 con).

-Tiền phối giống bò 15 lần là 6.000.000đ;

-Tiền công chồng chị là anh Nguyễn Thanh T cắt cỏ nuôi bò 4.000.000đ/tháng, 42 tháng là 168.000.000đ;

- Tiền mua rơm cho bò ăn 03 năm mỗi năm 3.000.000đ bằng 9.000.000đ

-Tiền mua 21 chỉ vàng 24 K gồm 1 chiếc nhẫn 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ, một chiếc lắc 05 chỉ, 01 dây chuyền có cả mặt 06 chỉ; chị đã giao toàn bộ 21 chỉ vàng 24k cho chị L ngày 07/3/2018, không có biên nhận nhưng có chị Nguyễn Thị Kim L làm chứng, chị Lùng bán để đi sửa sắc đẹp

- Tiền cho chị thứ hai tên Nguyễn Thị Kim L mỗi tháng 1.000.000đ, tổng cộng 18 tháng là 18.000.000đ.

- Tiền mua một công ruộng của bà Nguyễn Thị K số tiền 52.000.000đ đã sang cho chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , chị L bán vào tháng 3/2018 cho anh Nguyễn Minh S 45.000.000đ, chị ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng, chị Lùng nhận tiền từ anh S (anh S là em chồng của chị) không có tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng có chị Nguyễn Thị Kim L làm chứng.

Tổng cộng chị đã chi tiền theo ý của chị Lùng là 621.100.000đ, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L mà yêu cầu trừ số tiền chị đã nhận của chị L 285.000.000đ, còn lại 336.100.000đ chị có yêu cầu phản tố. Nhưng sau đó chị Đ thay đổi ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên Tòa: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới. Yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 285.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Nguyên đơn có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện 190.000.000đ.

Bị đơn và những người làm chứng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc thụ lý vụ án và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96, 97, 98, 100, 106 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án (lần thứ 2), vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng khác là người làm chứng: không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án (lần thứ 2), vi phạm nghĩa vụ của người làm chứng quy định tại Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người làm chứng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

***-Ý kiến về việc giải quyết vụ án*:**

Áp dụng quy định tại Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 190.000.000đ rút yêu cầu.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 285.000.000đ.

Về án phí: buộc bị đơn phải nộp 14.250.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện bị đơn, cư trú tại ấp Phước Ngươn B, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền 285.000.000đ mà nguyên đơn đã gửi về bằng đường bưu điện cho bị đơn nhận từ ngày 22/5/2016 đến ngày 26/10/2017. Vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị B, ông Lưu Văn Ch và ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tám L đòi chị Nguyễn Thị Gái Đ trả lại số tiền 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng), xét thấy: Từ ngày 22/5/2016 đến ngày 26/10/2017 chị L có gửi tiền từ Bưu điện Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng về bưu điện tỉnh Vĩnh Long chị Đ đã trực tiếp nhận tổng cộng số tiền 285.000.000đ có bảng kê cung cấp tài liệu của Bưu điện tỉnh Vĩnh L. Do công việc làm ăn không quản lý được tiền nên chị L mới gửi về nhờ chị Đèo cất giữ để mua đất và các tài sản khác. Sau khi chị L về quê yêu cầu chị Đ trả lại tài sản thì chị Đ không đồng ý, nên chị Lùng khởi kiện đòi lại số tiền 285.000.000đ là có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ thừa nhận có nhận của chị L số tiền 285.000.000đ, nhưng chị Đ cho rằng chị L gửi tiền về để cho cha mẹ, anh chị em trong gia đình và nuôi bò, chị đã chi xài theo ý của chị Lùng hết số tiền 285.000.000đ, không đồng ý trả lại, nhưng chị Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chi xài theo yêu cầu của nguyên đơn. Chị Đ có nộp đơn xác nhận của những người làm chứng gồm ông Lưu Văn Ch, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn T là những người chị Đ cho rằng đã nhận tiền của chị L. Nhưng khi Tòa án lấy lời khai những người làm chứng thì họ trình bày đều khác với nội dung trong đơn xác nhận, họ không trực tiếp làm đơn mà do chị Đ làm sẵn kêu ký, họ không đọc nội dung, như vậy những người làm chứng mà chị Đ nại ra là không khách quan, không trung thực, không có căn cứ để xem xét.

[4]Chị Đ cho rằng ông Lưu Văn Ch là chồng của chị L, chị L nhờ chị Đ nấu cơm cho ông Ch ăn, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 ông Ch trình bày ông không phải là chồng của chị L mà chỉ là hàng xóm, ông không có ý kiến

hay yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy lời trình bày của chị Đ là không đúng, không có căn cứ để xem xét.

[5]Tòa án tiến hành mời nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh T để đối chất làm rõ nội dung vụ án. Nhưng lần thứ nhất ngày 17/8/2018 chị Đ bỏ về, lần thứ hai ngày 07/9/2018 khi việc đối chất kết thúc, đến phần thông qua biên bản thì chị Đ cũng bỏ về. Bà Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh T không có mặt nên không tiến hành được việc đối chất với người làm chứng.

[6]Từ những phân tích nêu trên, buộc chị Nguyễn Thị Gái Đ phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Tám L số tiền 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7]Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Gái Đ phải chịu 14.250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.Buộc chị Nguyễn Thị Gái Đ phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Tám L số tiền 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 190.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Gái Đ phải chịu 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Tám L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001672 ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ánh Bình

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSND cùng cấp;
-CC THADS cùng cấp;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.